CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi

Ngày 31/03/2025	50,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**0.9%**	**-**

DT thuần *Q1/25*
1,590 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 402| 33.8%
YoY: ▼1,050| -39.8%

LN thuần *Q1/25*
60.2 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 32.9| 120%
YoY: ▼38.7| -39.1%

LN sau thuế *Q1/25*
60.1 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 37.6| 167%
YoY: ▼38.8| -39.2%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
6.1%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM) *Q1/25*
9.7%
YoY: +/-▼ 3.9%

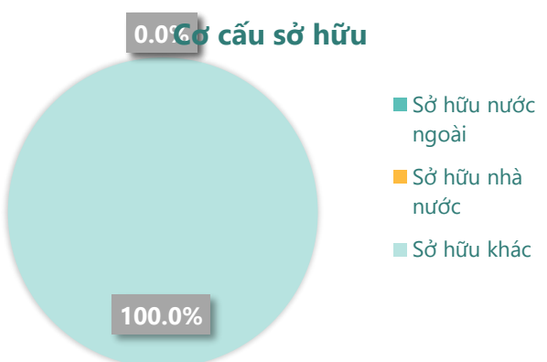
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	49,069 - 61,532
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,500
Số lượng CPLH (CP)	29,770,578
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,570
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.55
EPS	3,893
P/E	12.9

DT thuần *2024*
6,562 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 76.0| 1.2%

LN thuần *2024*
162 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼22.0| -12.2%

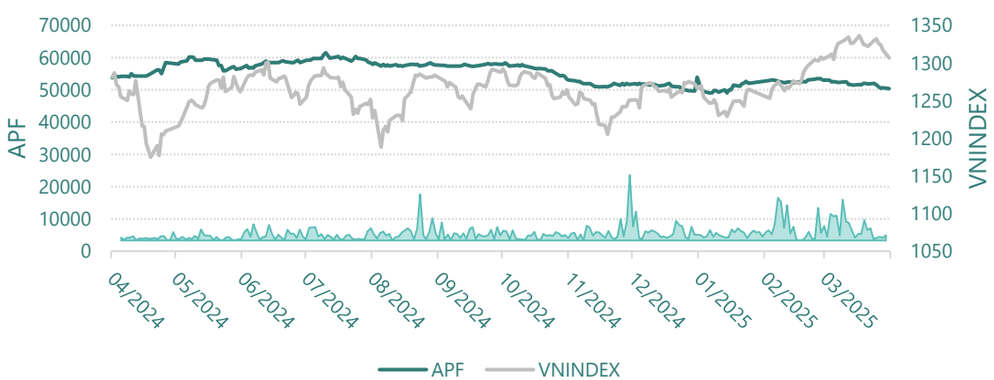
LN sau thuế *2024*
156 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼26.0| -14.1%

Cơ cấu sở hữu

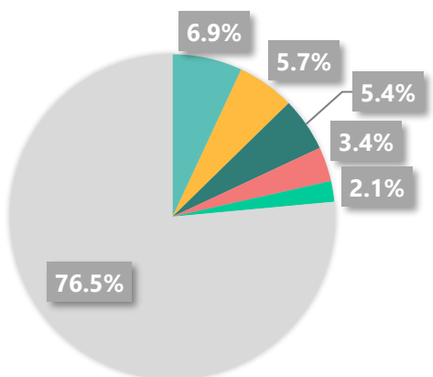


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

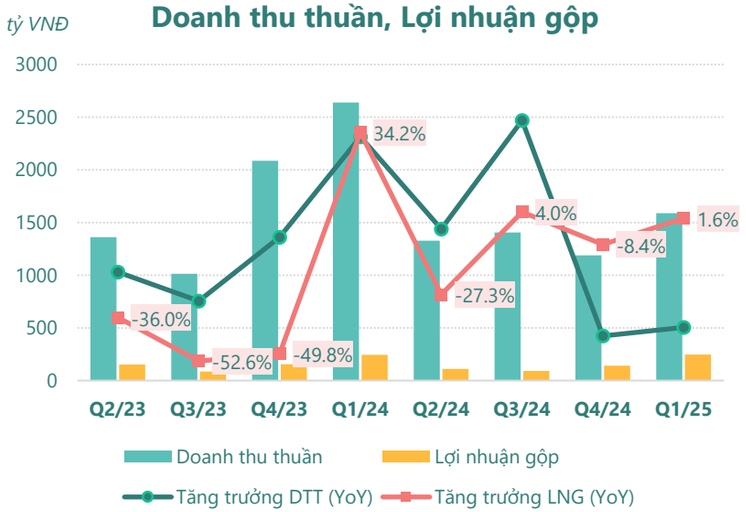


- Nguyễn Đức Thắng (Thành viên HĐQT)
- Võ Văn Danh (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Lam Sơn
- Lê Tuấn Toàn
- Trần Ngọc Hải (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

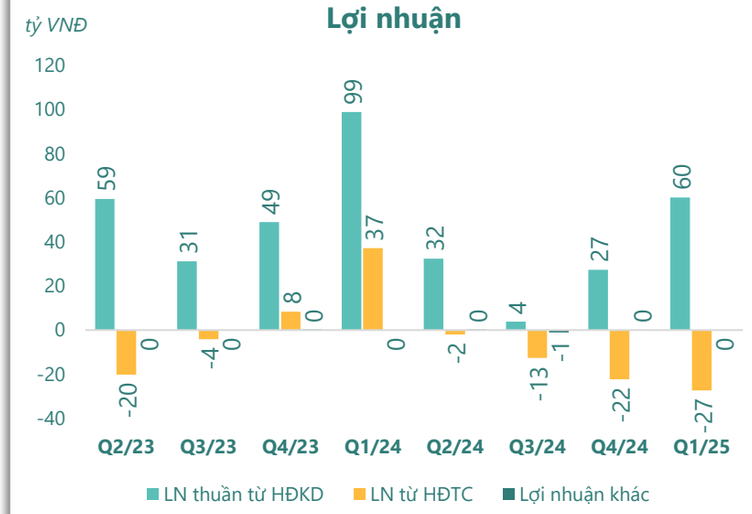
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



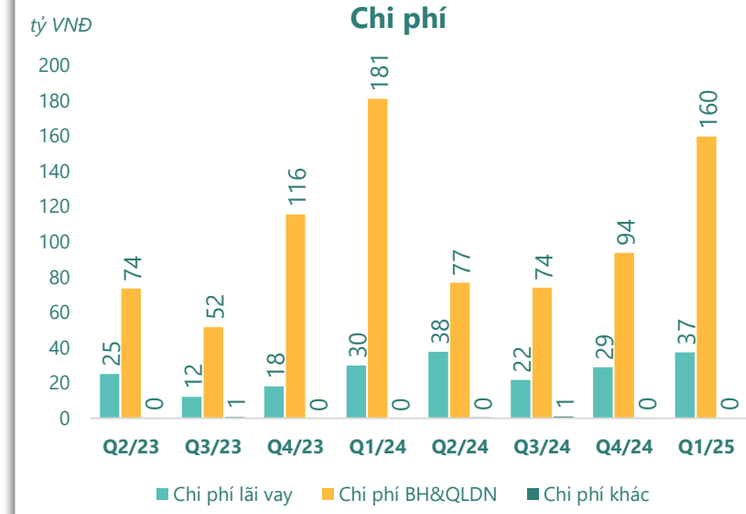
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



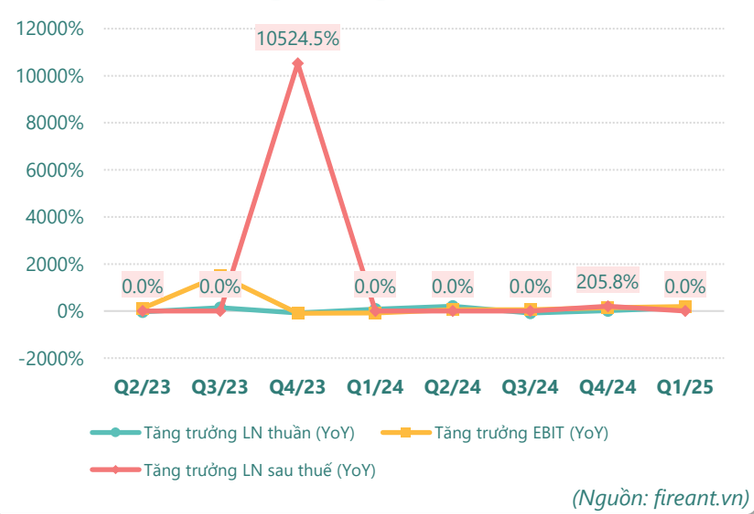
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



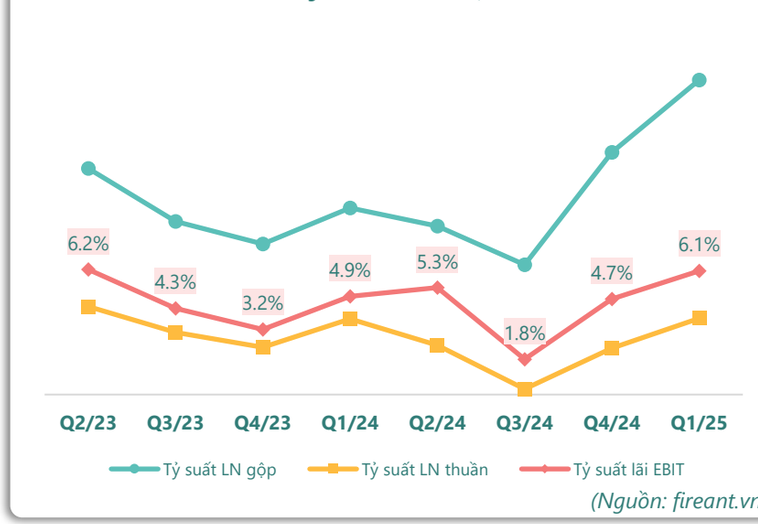
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



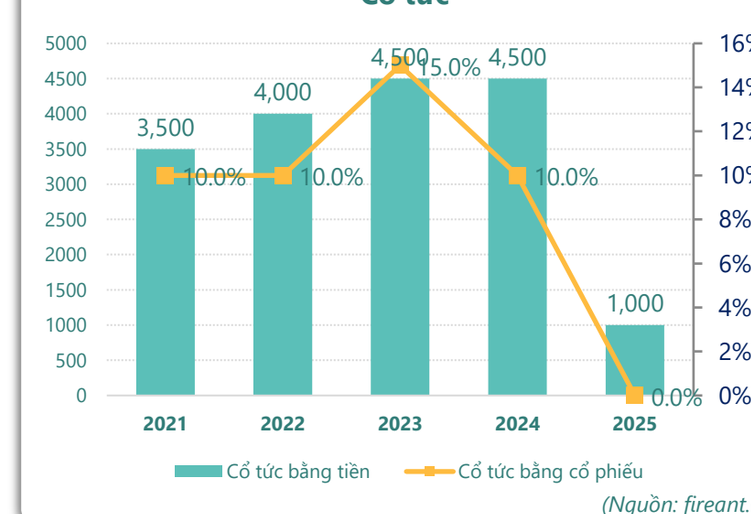
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



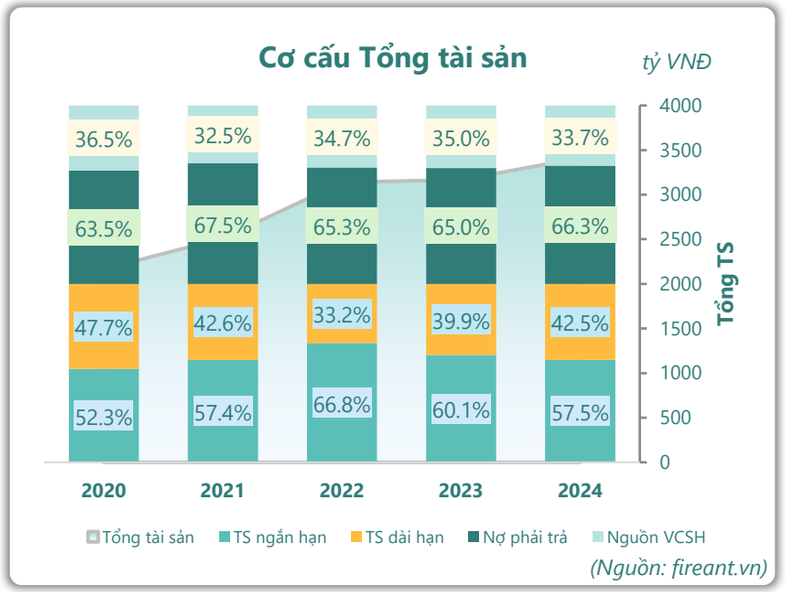
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

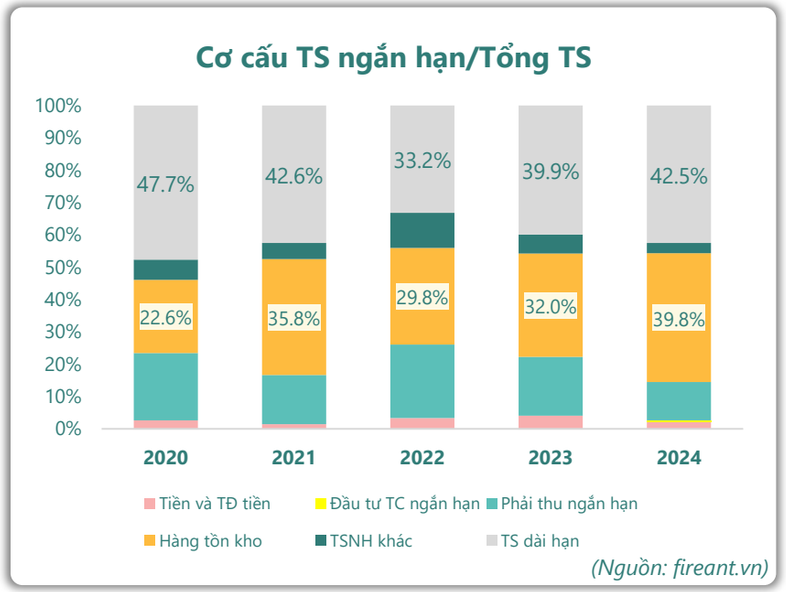


(Nguồn: fireant.vn)

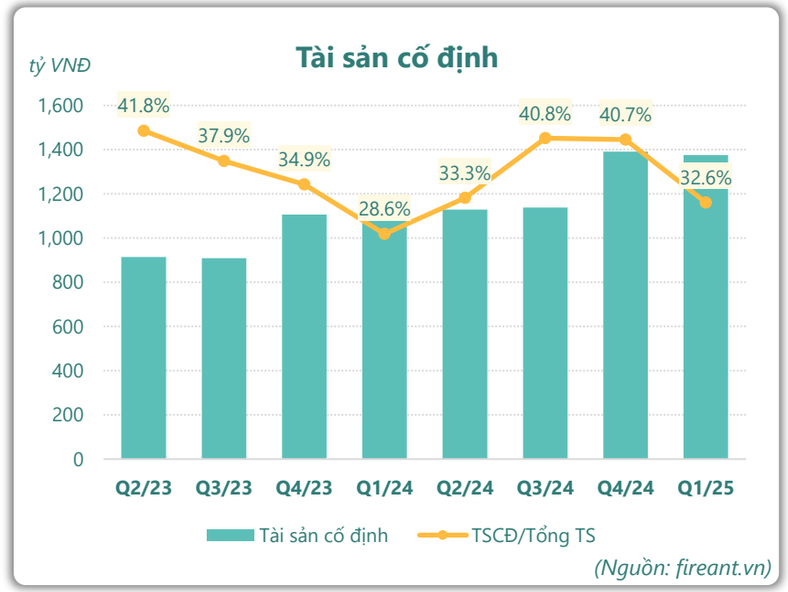
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



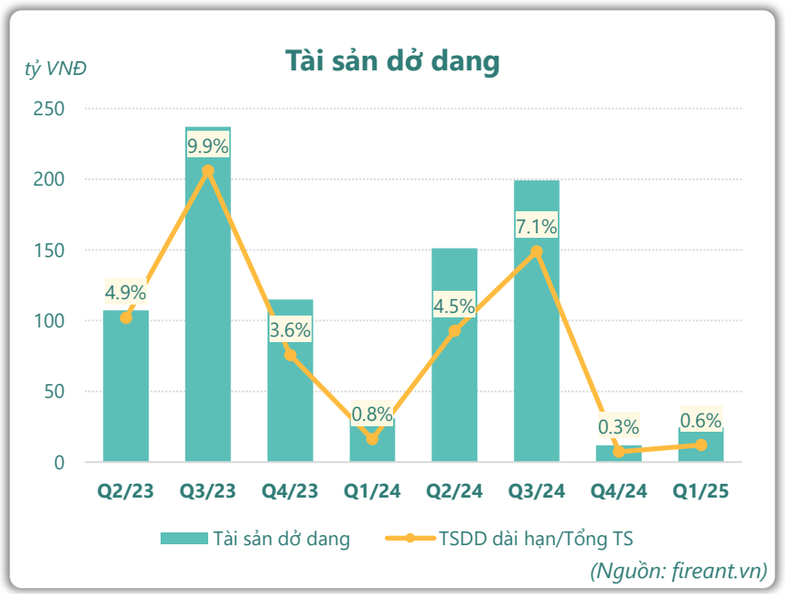
(Nguồn: fireant.vn)



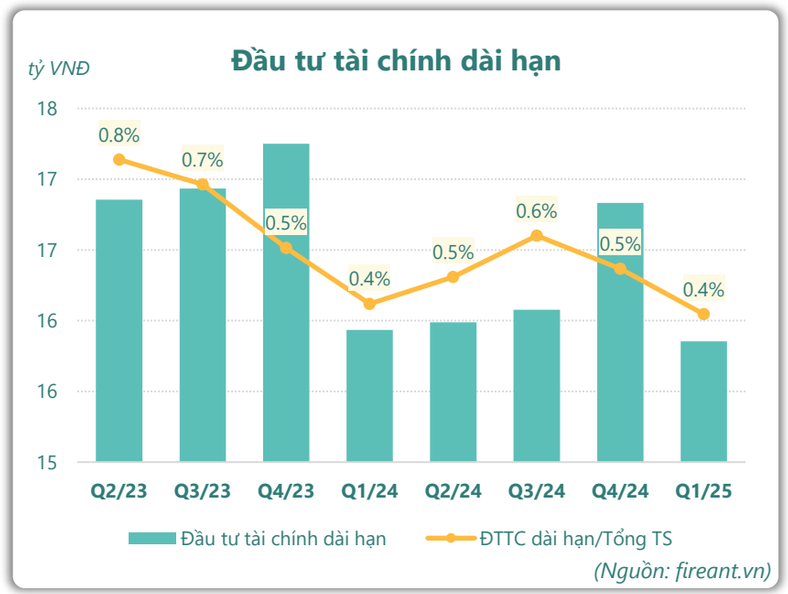
(Nguồn: fireant.vn)



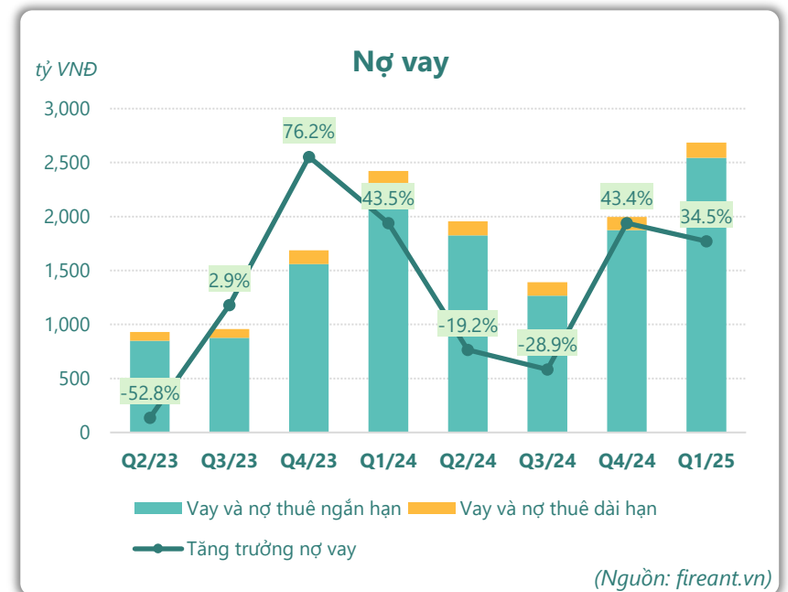
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



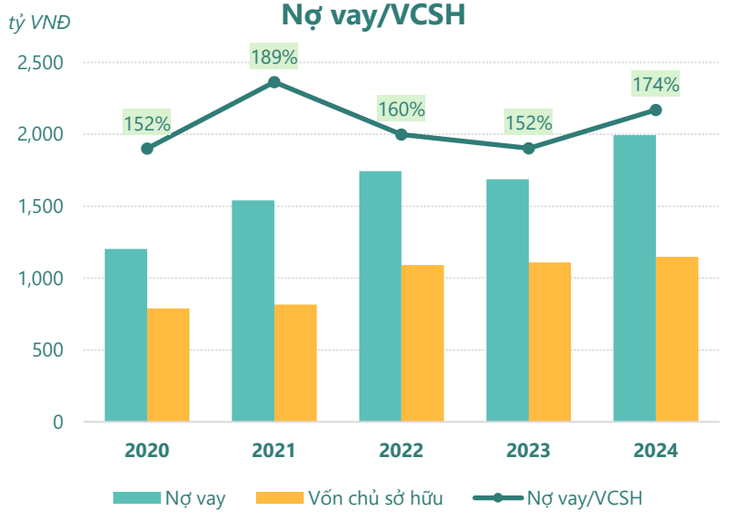
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

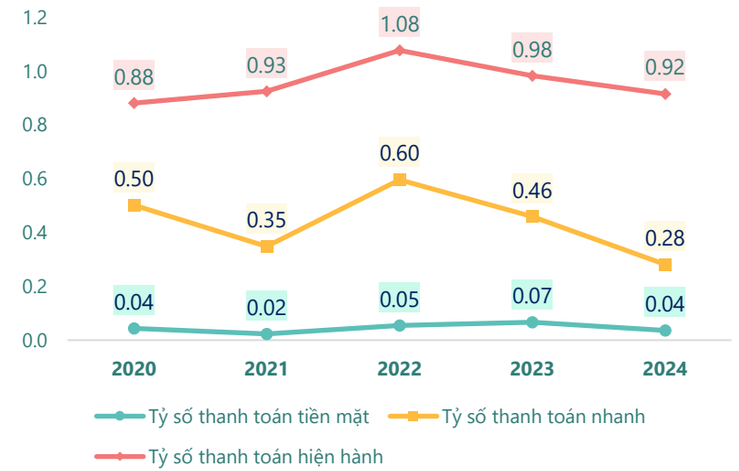
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



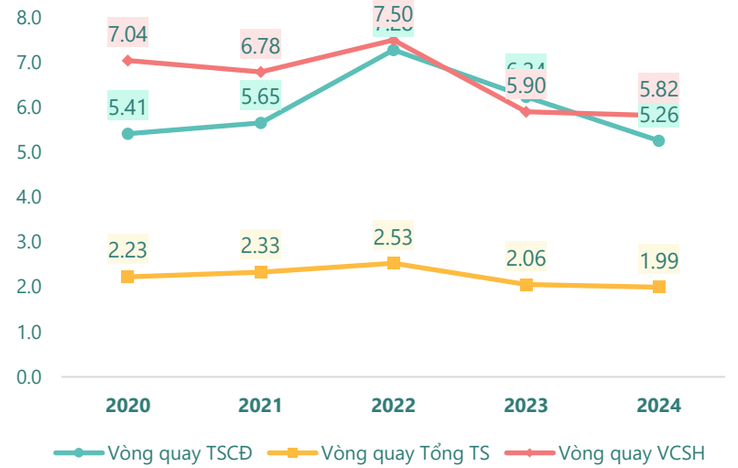
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



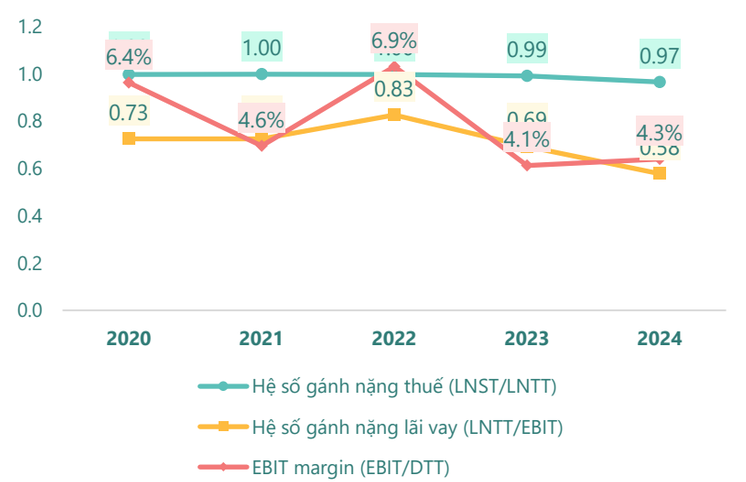
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



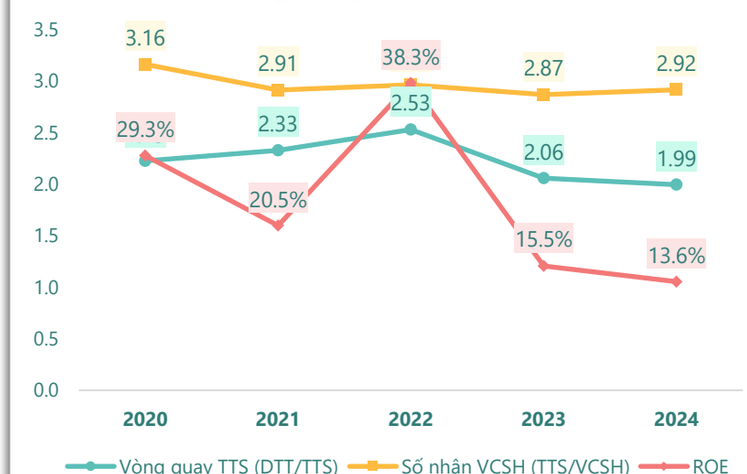
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



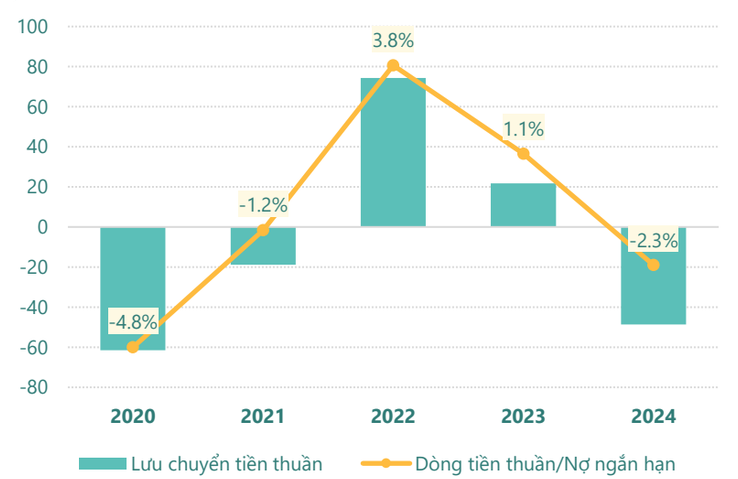
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,590**	**2,640**	**-39.8%**	**6,562**	**6,486**	**1.2%**
Giá vốn hàng bán	1,342	2,396	-44.0%	5,974	5,908	1.1%
Lợi nhuận gộp	248	244	1.7%	589	578	1.8%
Doanh thu HĐTC	13.1	72.1	-81.8%	134	65.4	105%
Chi phí TC	40.4	34.9	15.8%	133	95.2	40.0%
Chi phí lãi vay	37.4	29.9	24.9%	118	81.2	45.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.95**	**-1.32**	**28.1%**	**-0.45**	**-3.48**	**87.1%**
Chi phí bán hàng	152	175	-13.3%	375	317	18.1%
Chi phí QLDN	**7.99**	**6.13**	**30.3%**	**51.8**	**43.0**	**20.4%**
LN thuần từ HĐKD	60.2	98.9	-39.1%	162	184	-12.2%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-0.02**	**-333%**	**-0.27**	**-0.97**	**71.7%**
LN trước thuế	60.1	98.9	-39.2%	162	183	-11.9%
Lợi nhuận sau thuế	**60.1**	**98.9**	**-39.2%**	**156**	**182**	**-14.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**60.1**	**97.9**	**-38.7%**	**153**	**171**	**-10.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-581	-704	471	822	-579	-600
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.9	-61.8	-52.6	-106	-51.7	-58.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	733	715	-470	-636	604	659
Tiền đầu kỳ	52.9	129	78.2	26.9	101	78.4
Lưu chuyển tiền thuần	**73.1**	**-50.7**	**-51.3**	**79.8**	**-26.3**	**0.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	4.69	-0.14	-0.03	-5.21	3.56	0.97
Tiền cuối kỳ	131	78.2	26.9	101	78.8	80.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,212**	**3,411**	**23.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,761	1,960	40.9%
Tiền và tương đương tiền	80.1	78.4	2.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	10.0	300%
Phải thu ngắn hạn	450	406	10.9%
Hàng tồn kho	2,041	1,357	50.4%
Tài sản ngắn hạn khác	149	108	37.9%
Tài sản dài hạn	**1,451**	**1,451**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	1.32	1.28	2.9%
Tài sản cố định	1,375	1,387	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.5	11.6	111%
Đầu tư tài chính dài hạn	15.9	16.8	-5.6%
Tài sản dài hạn khác	**34.6**	**34.1**	**1.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,003	2,262	32.7%
Nợ ngắn hạn	**2,861**	**2,140**	**33.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,545	1,874	35.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	153	95.6	60.1%
Nợ dài hạn	142	122	16.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	139	120	16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,209**	**1,148**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,209**	**1,148**	**5.3%**
Vốn điều lệ	298	298	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)